TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê.

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Xuyến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 07/3/2006; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm C, thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 và bà Lê Thị V, sinh năm 1981; anh em ruột có 03 người, bị cáo là thứ hai; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến ngày 09/9/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Lại Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm C, thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt

- **Người làm chứng:** Cháu Mai Nguyễn Quốc V, sinh ngày 10/10/2015; Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của cháu Mai Nguyễn Quốc V: Ông Mai Văn T, sinh năm 1978 (bố đẻ). Vắng mặt

- Người chứng kiến:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1967; Vắng mặt

2. Ông Lê Văn P, sinh năm 1975; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Văn L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 11/7/2024, biết chị Lại Thị T là hàng xóm ở gần nhà L thuộc xóm C, thị trấn M, huyện Hải Hậu bán hàng tạp hoá thường để tiền ở ngăn tủ phía dưới bàn gỗ nên L đã cầm theo 01 chiếc tua vít dài 23cm, tay cầm bằng nhựa màu đỏ của gia đình để vào túi quần đùi bên phải và đi ra vườn cây phía đông giáp cửa hàng nhà chị T ngồi đợi. Thấy chị T không có ở cửa hàng. Bị cáo đã đi vào từ phía sau cửa hàng, dùng tay tháo dây thép buộc phía dưới hàng rào để chui qua và vào cửa phía sau quán tạp hóa. Khi vào cửa hàng, L đã rút nguồn điện camera trong cửa hàng rồi dùng chiếc tua vít cậy 02 chỗ của cánh cửa tủ tạo thành 02 vết kích thước (7 x 0,1)cm và (8 x 0,3)cm thì mở được cánh tủ, lấy được số tiền tổng cộng là 12.500.000 đồng. Khi L đang lấy tiền thì cháu Mai Nguyễn Quốc Việt, sinh năm 2015 đến hỏi mua hàng nên L đã bỏ số tiền vào túi quần rồi theo lối cửa trước về nhà cất giấu tiền ở phía bờ ao trước nhà. Đến 19 giờ cùng ngày, chị T phát hiện tủ bị cậy phá, kiểm tra ví mất số tiền 12.500.000 đồng nên đã đến Công an xã Hải L trình báo. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/7/2024, Nguyễn Văn L đến Công an xã Hải Lý đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 chiếc tua vít cùng số tiền 12.500.000 đồng. Công an xã Hải L lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và bàn giao toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 80/CT-VKS-HH, ngày 09/9/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và xử lý vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra. Về trách nhiệm dân sự, sau khi được nhận lại số tiền 12.500.000đ, bị hại không có đề nghị gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng: Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đã nhận lỗi và xin được giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 11/7/2024, tại cửa hàng tạp hóa của chị Lại Thị T ở xóm C thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn L lợi dụng sơ hở của bị hại không có người trông coi tài sản nên đã lén lút lấy trộm của chị T số tiền 12.500.000 đồng để tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối lỗi; khi hành vi vi phạm bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và giao nộp số tiền trộm cắp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm

nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có ý thức sửa chữa lỗi lầm và khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương theo Điều 65 của Bộ luật hình sự, cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là thanh niên mới lớn, không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 12.500.000 đồng của chị Lại Thị T. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại, sau khi nhận lại tài sản, bị hại không có đề nghị gì về phần dân sự. Do đó, về trách nhiệm dân sự không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc tua vít bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Nguyễn Văn L 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo cho UBND thị trấn M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" đối với bị cáo Nguyễn Văn L theo Quyết định về việc bảo lĩnh số 20/BL-TA ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy chiếc tua vít có tay nắm bằng nhựa dẻo màu đỏ, đã qua sử dụng.

(Vật chứng được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện Hải Hậu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đính

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- UBND thị trấn M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.